

**Huy động tiền gửi tại ngân hàng:
Tổng quan nghiên cứu và phân tích thực trạng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**

Trần Việt Dũng
Lư Hữu Chí

Tóm tắt: Nhóm tác giả tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước đó về việc đánh giá các yếu tố tác động đến huy động tiền gửi (HĐTG) ngân hàng. Trên cơ sở đó tổng hợp và phân tích thực trạng tăng trưởng HĐTG của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2010–2018, giai đoạn ghi nhận tốc độ tăng trưởng đều HĐTG nhưng đang có xu hướng giảm và lệch pha so với tăng trưởng tín dụng các năm gần đây. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra các đề xuất về chính sách, quản lý phù hợp nhằm gia tăng HĐTG tại hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam.

Từ khóa: Tiền gửi, tăng trưởng, ngân hàng Việt Nam, các nghiên cứu, thực trạng.

Mã phân loại JEL: E44, G20, G2.

Tài liệu tham khảo

- Allen, F., Carletti, E. & Marquez, R. (2014). Deposits and bank capital structure. *Journal of Financial Economics*, 118, 601–619.
- Anthony, O. (2012). Bank Savings and Bank Credits in Nigeria: Determinants and Impact on Economic Growth. *International Journal of Economics and Financial Issues*, 2(3), 57-372.
- Bouvard, M., Chaigneau, P. & de Motta, A. (2011). Transparency in the financial system: rollover risk and crises. *Working papers*.
- Emmanuel Haven (2019). The Mechanics of Physics in Finance and Economics: Pitfalls from Education and Other Issues. *Asian Journal of Economics and Banking*, 3(1), 110-125.
- Ferrouhi, E. M. & Lehadiri, A. (2014). Savings Determinants of Moroccan banks: A cointegration modeling approach. *International Journal of Innovation and Applied Studies*, 9(2), 6.
- Ferrouhi, E. M. (2017). Determinants of bank deposits in Morocco. *MPRA Paper No. 79075*. <https://mpra.ub.uni-muenchen.de/79075/>
- Finger, H. & Hesse, H. (2009). *Lebanon-determinants of commercial bank deposits in a regional financial center*. IMF working paper WP/09/195.
- Finger, H. & Mecagni, M. (2007). *Sovereign Debt Restructuring and Debt Sustainability: An Analysis of Recent Cross-Country Experience*. IMF Occasional Paper No. 255 (Washington: International Monetary Fund).
- Friedman, M. (1957). *A Theory of the Consumption Function*. Princeton University Press, New Jersey, 259.
- Johansen, S. & Juselius, K. (1990). Maximum likelihood estimation and inference on cointegration – with applications to the demand for money. *Oxford Bulletin of economics and statistics*, 52(2), 169-210.
- Johansen, S. (1988). Statistical Analysis of Cointegration Vectors. *Journal of Economic Dynamics and Control*, 12, 231-54.
- Kanj, O. & El Khoury, R. (2013). Determinants of Non-Resident Deposits in Commercial Banks: Empirical Evidence from Lebanon. *International Journal of Economics and Financial Issues*, 5(12), 135-150.
- Kình Dương (2017). *Nhìn lại 3 năm cuộc đua 'vượt trần lãi suất'*. truy cập tại <https://vietnamfinance.vn/nhin-lai-3-nam-cuoc-dua-vuot-tran-lai-suat-20170828173946299.htm>, ngày truy cập 09/3/2020.
- Kraft, E. (2000). The Lending Policies of Croatian Banks: Results of the 2nd CNB Bank Interview project. *Croatian National Bank*. <http://www.hnb.hr>.
- Le Ha Diem Chi & Nguyen Thi Minh Chau (2019). Overinvestment and Free Cash Flow: Empirical Evidence from Vietnamese Enterprises. *Asian Journal of Economics and Banking*, 3(2), 84-96.
- Lê Đức Hạnh (2019). Hệ thống kinh tế và hoạt động của ngân hàng Hội giáo. *Khoa học Xã hội Việt Nam*.
- Lê Thị Viên (2018). *Các yếu tố ảnh hưởng đến huy động vốn tiền gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

- Mashamba, T., Magweva, R. & Gumbo, C. L. (2014). Analysing the relationship between Banks' Deposit Interest Rate and Deposit Mobilisation: Empirical evidence from Zimbabwean Commercial Banks (1980-2006). *IOSR Journal of Business and Management*. 16(1). Ver. VI, 64-75.
- Mishkin, F. S. (1999). Lessons from the Asian crisis. *Journal of International Money and Finance*, 18, 709–723.
- Miskin, F. S. (2001). *Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
- Nguyễn Thị Liên Hương (2018). Nợ công Việt Nam giai đoạn 2014–2018 và giải pháp cho năm 2019. *Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia*.
- Nguyễn Thị Phương Dung (2019). *Các nhân tố ảnh hưởng đến Quyết định gửi tiền của Khách hàng cá nhân tại Agribank chi nhánh huyện Cần Giuộc Long An*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Nguyễn Thị Thắm (2016). *Gia tăng Huy động vốn tiền gửi khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Nguyễn Trọng Nghĩa (2019). Một số vấn đề về ngưỡng an toàn nợ nước ngoài. *Tạp chí Tài chính*.
- Nguyễn Văn Thọ & Nguyễn Ngọc Linh (2019). Tăng trưởng huy động vốn từ tiền gửi khách hàng tại ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng số 23*.
- NHNN Việt Nam (2019). *Quyết định số 2415/QĐ-NHNN* ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Ostadi, H. & Sarlak, A. (2014). Effective factors on the absorption of bank deposits in order to increase the relative share of Isfahan Sepah Bank. *International Journal of Academic Research in Economics and Management Sciences*, 3(4), 139-149.
- Rose, P. S. (2004). *Quản trị ngân hàng thương mại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
- Thirlwall, A. P. (2004). The Mobilisation of Savings for Growth and Development in Developing Countries. *Departamento de Programación Monetaria e Investigación Económica*, 02, 1-35.
- Tổng cục Thống kê (2019). *Tình hình kinh tế-xã hội 2019*.
- Tvalodze, S. & Tchaidze, R. (2011). Deposit Formation in Georgia. *IMF Working paper*. IMF working paper WP/11/78.
- Website của: NHNN, TCTK, WB, Wikipedia, Vietnamfinance, Tạp chí ngân hàng, Tạp chí Tài chính, Bộ tài chính
- Zainol, Z. & Kassim, S.H. (2010). An analysis of islamic banks' exposure to rate of return risk. *Journal of Economic Cooperation and Development*, 31(1), 59-84.